Thứ Năm, Ngày 25 Tháng 7 Năm 2024

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

### *Cạn kiệt nguồn cung?*

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, sắc đỏ tiếp tục bao phủ khắp các ngành với lực bán áp đảo. Tuy nhiên, nguồn cung có dấu hiệu cạn kiệt khi thanh khoản lại quay đầu giảm mạnh, ghi nhận dưới mức trung bình 20 ngày.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 5.28 điểm (-0.43%), đạt 1,233.19 điểm; HNX-Index giảm 0.92 điểm (-0.39%), đạt 235.25 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 11.72 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 484.4 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 489.35 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở SSI, TLG, VHM.

▶ VIC (+1.71%), BCM (+3.29%), GVR (+0.92%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, CTG (-2.02%), HVN (-6.91%), HPG (-1.26%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vật liệu xây dựng, Vận tải, và Thực phẩm – Đồ uống là các nhóm ngành ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: HPG, HVN, MSN.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thanh khoản giảm mạnh với biên độ hẹp ngay gần EMA200 thể hiện lực bán đã yếu đi đáng kể nhưng bên mua vẫn đang quan sát để chờ tín hiệu rõ ràng hơn. Các phiên tới nếu thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp cùng với biên độ dao động nhỏ và theo sau đó là một phiên tăng điểm với biên độ lớn thì đây có thể là tín hiệu đảo chiều tương đối tin cậy với thị trường. Chỉ số động lượng RSI đang ở sát mức quá bán và trừ khi VN-Index đánh mất EMA200, khả năng giảm mạnh của VN-Index được chúng tôi đánh giá không cao.

Chiến lược: Nhà đầu tiếp tục quan sát diễn biến của thị trường tại vùng hỗ trợ 1,220-1,230 điểm, có thể cân nhắc giải ngân khi xuất hiện tín hiệu đảo chiều và VN-Index quay trở lại trên EMA50. Với những mã cổ phiếu vẫn đảm bảo được xu hướng tăng, có nền tảng cơ bản tốt, nhà đầu tư hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ. Nhà đầu tư nên giảm tỷ trọng đối với các mã cổ phiếu vi phạm tín hiệu kỹ thuật và nền tảng kinh doanh không tốt trong thời gian tới.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,233 | -0.4 | -1.9 | 3.1 | 15.3 | 1.7 | 5,071,452 |
| VN30 Index | 1,272 | -0.7 | -1.3 | 6.2 | 12.3 | 1.7 | 3,519,376 |
| VN Midcap | 1,885 | -0.5 | -3.2 | 16.8 | 17.4 | 1.6 | 964,787 |
| VN Smallcap | 1,456 | -0.2 | -4.4 | 3.4 | 27.7 | 1.0 | 248,205 |
| HNX Index | 235 | -0.4 | -2.1 | -0.7 | 16.9 | 1.2 | 305,863 |
| UpCom | 95 | 0.0 | -4.4 | 6.7 | 13.4 | 1.8 | 1,475,073 |

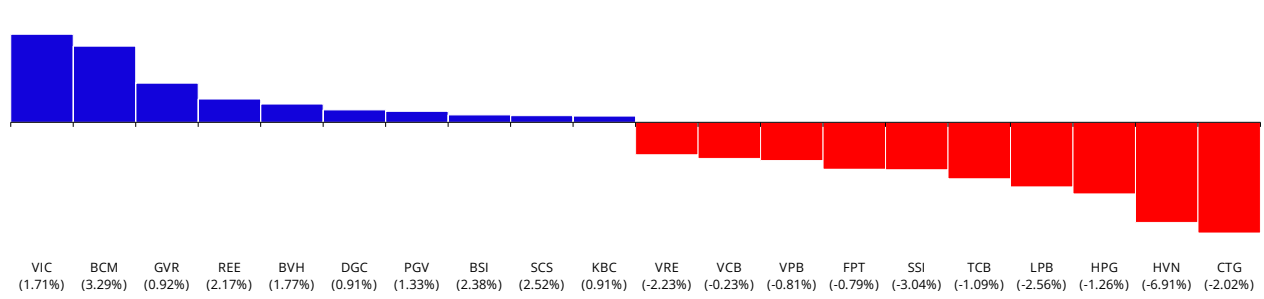
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -0.5 | -2.0 | 39.5 | 1.2 | 254.5 | 4.0 | 129,831 |
| Bảo hiểm | 1.2 | -2.4 | 11.7 | -3.4 | 14.8 | 1.5 | 45,500 |
| Bất động sản | 0.4 | -2.0 | -6.2 | -18.4 | 13.6 | 1.2 | 692,985 |
| CNTT | -0.8 | -4.9 | 45.7 | 69.8 | 29.0 | 5.7 | 200,021 |
| Dầu khí | -0.2 | 8.1 | 42.7 | 13.4 | 26.2 | 2.9 | 74,290 |
| Dịch vụ tài chính | -1.4 | -7.6 | 1.5 | 19.0 | 20.6 | 1.7 | 183,903 |
| Tiện ích | -0.3 | -2.5 | 4.2 | -5.3 | 16.2 | 2.0 | 312,355 |
| Du lịch và Giải trí | -2.7 | -19.5 | 19.0 | 22.7 | n.a | 30.6 | 115,000 |
| Hàng & DV CN | 2.9 | -1.3 | 15.8 | 16.1 | 16.0 | 1.9 | 151,261 |
| Hàng CN & Gia dụng | -0.3 | -0.8 | 16.4 | 14.1 | 16.2 | 2.0 | 60,756 |
| Hóa chất | 0.7 | -3.4 | 35.0 | 38.5 | 27.3 | 2.2 | 240,467 |
| Ngân hàng | -0.7 | 1.2 | 12.8 | 9.1 | 9.7 | 1.6 | 1,983,353 |
| Ô tô và phụ tùng | -1.1 | -4.7 | 17.0 | 24.5 | 20.6 | 1.4 | 17,094 |
| Tài nguyên Cơ bản | -1.1 | -5.2 | 6.3 | 6.9 | 38.8 | 1.5 | 228,238 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.4 | -3.5 | -0.8 | -12.4 | 25.1 | 2.7 | 428,729 |
| Truyền thông | -0.5 | -0.9 | -20.4 | 35.0 | 26.7 | 0.9 | 1,703 |
| Xây dựng và Vật liệu | -0.2 | -5.3 | -0.2 | 2.3 | 27.0 | 1.4 | 125,354 |
| Y tế | 0.0 | 2.5 | 11.8 | -0.8 | 15.2 | 2.1 | 38,713 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 104 | -0.3 | 0.0 | -1.4 | -1.4 | 2.8 | 2.7 |
| USD/JPY | 152 | -1.2 | -3.4 | -4.8 | -2.3 | 7.8 | 7.9 |
| USD/CNY | 7 | -0.7 | -0.7 | -0.7 | -0.4 | 1.6 | 1.0 |
| KRW/USD | 1,380 | 0.0 | -0.2 | -0.5 | 0.4 | 7.1 | 8.2 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | 0.4 | -1.3 | -1.1 | 1.7 | 1.9 |
| USD/VND | 25,321 | -0.1 | 0.0 | -0.5 | -0.1 | 4.3 | 7.0 |
| Dầu Thô | 77 | -0.5 | -6.8 | -4.5 | -7.6 | 7.8 | -3.0 |
| Xăng | 237 | -3.3 | -5.8 | -5.7 | -14.0 | 12.8 | -16.9 |
| Khí đốt | 2 | -0.1 | -0.5 | -23.3 | 29.1 | -15.9 | -22.6 |
| Than | 135 | 0.0 | 0.0 | 1.4 | 4.5 | -8.0 | 1.2 |
| Vàng | 2,375 | -0.9 | -2.8 | 2.4 | 1.8 | 15.1 | 20.9 |
| Thép cuộn | 3,512 | -1.3 | -3.4 | -5.2 | -8.5 | -13.9 | -11.9 |

**Đóng góp vào VN Index**




**[Analyst ]**
**Phuc Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

**[Analyst ]**
**Trang Vo**
☎ (84-28) 6299 - 7751
✉ trang.vo@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. MWG – Bán lẻ:** Nhóm quỹ Dragon Capital cho biết đã bán ra 1.05 triệu cổ phiếu MWG của CTCP Đầu tư Thế giới Di động trong phiên 19/7, giảm sở hữu từ 117.92 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 8.06%) xuống còn 116.87 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 7.99%).

**2. PTB – Nguyên vật liệu:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành quyết định xử phạt 60 triệu đồng đối với Công ty CP Phú Tài do công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

**3. BHA – Tiện ích:** CTCP Thủy điện Bắc Hà ghi nhận lãi quý II/2024 đạt 19.5 tỷ đồng tăng 774% so với cùng kỳ, luỹ kế nửa đầu năm 2024 ghi nhận lãi 18 tỷ đồng tăng 241% so với cùng kỳ.

**4. CDC – Công nghiệp:** HNX vừa cho biết, đã chấp thuận đưa hơn 40 triệu cổ phiếu CCC của CTCP Xây dựng CDC vào giao dịch trên thị trường UPCoM tại HNX từ ngày 30/7 tới, với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 13,500 đồng/cổ phiếu.

**5. MSB – Ngân hàng:** Tại ngày 23/7, ROX Key Holdings – đơn vị thành viên của ROX Group đang có 48.6 triệu cổ phiếu MSB, tương ứng 2.43% vốn tại ngân hàng.

**6. THD – Bất động sản:** Trong khi doanh thu thuần giảm 36%, đạt 251 tỷ đồng, lợi nhuận gộp giảm 67.6% nhưng Thaiholdings vẫn báo LNST tăng gấp đôi cùng kỳ, đem về gần 35 tỷ đồng lợi nhuận trong Q2 nhờ lãi từ bán các khoản đầu tư.

**7. DRC – Hàng tiêu dùng:** HĐQT DRC đã thông qua kế hoạch doanh thu thuần quý 3/2024 với 1.3 nghìn tỷ đồng, tăng 20% YoY nhưng giảm 1% QoQ. LNTT Q3 chỉ ở mức 80 tỷ đồng, giảm 14% YoY và giảm 18% QoQ.

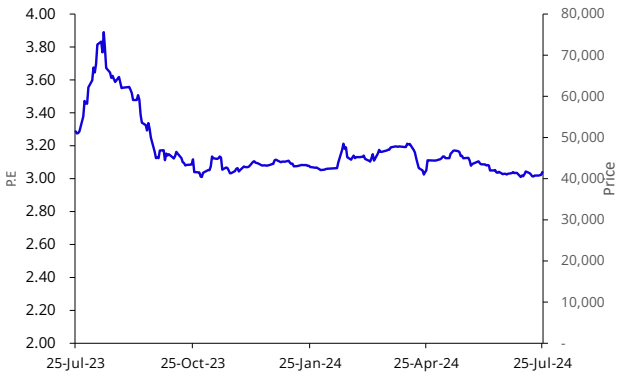
**8. LDG – Bất động sản:** Xét thấy có các căn cứ chứng minh CTCP Đầu tư LDG lâm vào tình trạng phá sản, Tòa án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai quyết định mở thủ tục phá sản với LDG. Bên nộp đơn là CTCP Thương mại và Xây dựng Phúc Thuận Phát.

**9. DAG – Nguyên vật liệu:** HOSE đưa cổ phiếu DAG vào diện bị cảnh báo từ ngày 8/7 do công ty chưa họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 (quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2023).

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**Tập đoàn VINGROUP – VIC**

**VIC – Bất động sản:** Theo báo cáo của ET Auto, hãng xe điện Việt Nam – VinFast đang lên kế hoạch thành lập một dự án thành phố thông minh rộng 1,000 mẫu Anh (hơn 400ha) ở khu vực thành phố Hyderabad (Ấn Độ).



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 7/24/2024 | 7/25/2024 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Du lịch và Giải trí | 10.9 | 419 | 266 | 239 | |
| 2 | Bất động sản | -18.1 | 2,269 | 1,853 | 2,263 | |
| 3 | Tài nguyên Cơ bản | -28.6 | 943 | 625 | 876 | |
| 4 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -31.6 | 999 | 617 | 902 | |
| 5 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -32.9 | 330 | 240 | 358 | |
| 6 | Y tế | -36.0 | 56 | 45 | 70 | |
| 7 | Bảo hiểm | -36.8 | 93 | 41 | 64 | |
| 8 | Dịch vụ tài chính | -39.9 | 2,065 | 1,143 | 1,903 | |
| 9 | Hàng cá nhân & Gia dụng | -41.5 | 338 | 151 | 259 | |
| 10 | Thực phẩm và đồ uống | -42.8 | 1,096 | 607 | 1,061 | |
| 11 | Ngân hàng | -43.4 | 3,498 | 2,303 | 4,067 | |
| 12 | Công nghệ Thông tin | -47.0 | 599 | 374 | 705 | |
| 13 | Hóa chất | -51.0 | 900 | 462 | 942 | |
| 14 | Xây dựng và Vật liệu | -51.4 | 629 | 276 | 567 | |
| 15 | Dầu khí | -52.0 | 251 | 90 | 188 | |
| 16 | Bán lẻ | -53.4 | 1,382 | 445 | 954 | |
| 17 | Ô tô và phụ tùng | -59.8 | 75 | 29 | 71 | |

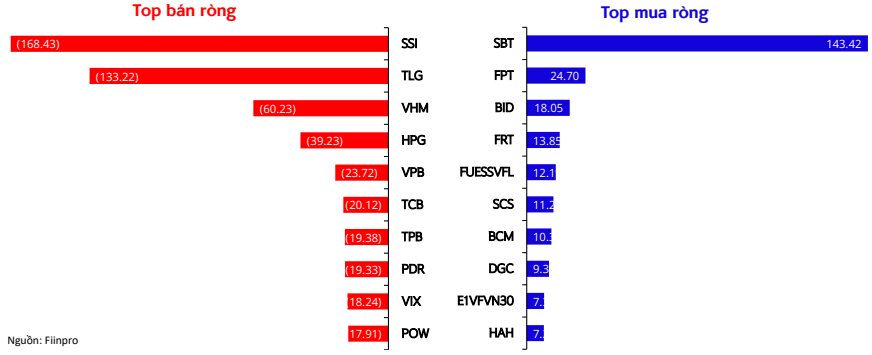
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | Giá đóng cửa | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | |
| VRE | Vincom Retail | Bất động sản | 19,700 | -2.2 | -2.2 | -15.5 | 77 | 287.2 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 41,600 | 1.7 | 2.6 | -6.7 | 140 | 181.8 | |
| VTO | VITACO | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 15,000 | 3.8 | 2.4 | 57.9 | 117 | 43.9 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 37,800 | -0.1 | 0.9 | -12.5 | 9 | 236.3 | |
| TIP | PT KCN Tín Nghĩa | Bất động sản | 25,000 | 1.6 | -3.8 | 4.6 | 92 | 35.4 | |
| HAH | Vận tải và Xếp dỡ Hải An | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 43,000 | 1.7 | -2.2 | 31.5 | 9 | 156.1 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 31,900 | -3.0 | -7.1 | -2.7 | 2 | 528.2 | |
| TTA | XD và PT Trường Thành | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 10,700 | 7.0 | 1.9 | 33.9 | 73 | 16.2 | |
| LDG | Đầu tư LDG | Bất động sản | 2,410 | -6.9 | -10.1 | -19.4 | 231 | 9.1 | |
| VPI | Đầu tư Văn Phú - Invest | Bất động sản | 57,700 | -1.1 | 13.0 | 25.9 | 7 | 87.2 | |
| CNG | CNG Việt Nam | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 38,000 | 2.7 | 7.5 | 38.7 | 9 | 37.5 | |
| GSP | Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 12,850 | 0.8 | 3.6 | 18.8 | 111 | 6.0 | |
| DBD | Dược - TB Y tế Bình Định | Y tế | 42,450 | 1.9 | -3.4 | -2.1 | 52 | 7.8 | |
| LHG | KCN Long Hậu | Bất động sản | 41,500 | 5.3 | -5.1 | 37.0 | 18 | 16.9 | |
| CSV | Hóa chất Cơ bản miền Nam | Hóa chất | 37,300 | 2.9 | -3.6 | 127.4 | 3 | 57.2 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | Giá đóng cửa | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 41,600.0 | 1.7 | 2.6 | -6.7 | 2.1 | 41.60 | |
| TTA | XD và PT Trường Thành | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 10,700.0 | 7.0 | 1.9 | 33.9 | 4.2 | 10.70 | |
| VTO | VITACO | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 15,000.0 | 3.8 | 2.4 | 57.9 | 2.3 | 15.00 | |
| GSP | Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 12,850.0 | 0.8 | 3.6 | 18.8 | 2.2 | 12.85 | |
| TIP | PT KCN Tín Nghĩa | Bất động sản | 25,000.0 | 1.6 | -3.8 | 4.6 | -0.6 | 25.00 | |
| DAG | TĐ Nhựa Đông Á | Hóa chất | 1,920.0 | -4.0 | -14.7 | -39.8 | -10.0 | 1.92 | |
| LDG | Đầu tư LDG | Bất động sản | 2,410.0 | -6.9 | -10.1 | -19.4 | -8.4 | 2.41 | |
| TNT | Tập đoàn TNT | Tài nguyên Cơ bản | 4,520.0 | -2.4 | -7.2 | -2.2 | -5.4 | 4.52 | |
| VRE | Vincom Retail | Bất động sản | 19,700.0 | -2.2 | -2.2 | -15.5 | -1.4 | 19.70 | |
| RDP | Nhựa Rạng Đông | Hóa chất | 2,760.0 | -6.8 | -28.5 | -70.3 | -21.6 | 2.76 | |

## Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)




Nguồn: Fiinpro

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

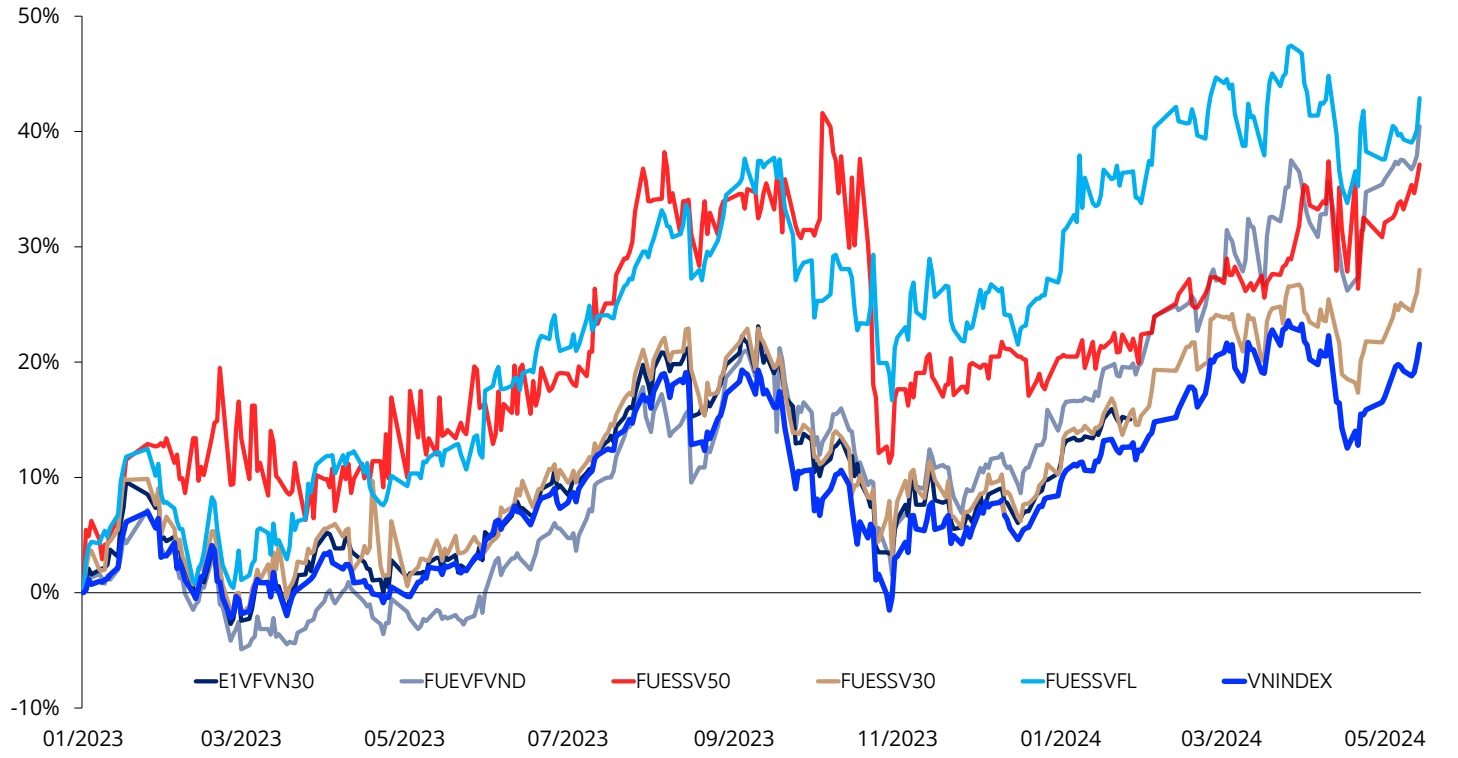
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 7/25/2024 | 1,658.5 | 2,148.1 | -489.6 |
| 7/24/2024 | 2,210.7 | 1,971.8 | 238.9 |
| 7/23/2024 | 1,569.3 | 1,696.3 | -127.1 |
| 7/22/2024 | 2,072.7 | 1,663.3 | 409.4 |
| 7/19/2024 | 1,713.0 | 2,076.6 | -363.6 |
| 7/18/2024 | 3,446.3 | 2,532.6 | 913.7 |
| 7/17/2024 | 2,691.8 | 2,165.7 | 526.1 |
| 7/16/2024 | 1,480.4 | 1,716.7 | -236.3 |
| 7/15/2024 | 1,256.2 | 2,874.3 | -1,618.1 |
| 7/12/2024 | 1,196.1 | 1,958.0 | -761.9 |
| 7/11/2024 | 2,410.9 | 2,405.0 | 5.9 |
| 7/10/2024 | 3,889.1 | 4,919.0 | -1,029.9 |
| 7/9/2024 | 2,543.9 | 2,995.0 | -451.1 |
| 7/8/2024 | 1,632.9 | 3,897.8 | -2,264.8 |
| 7/5/2024 | 1,571.1 | 1,942.6 | -371.4 |
| 7/4/2024 | 1,011.8 | 1,588.0 | -576.2 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

**Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 22,260 | -0.2% | -1.7% | 14.6% | 731,300 | 16.2 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 19,170 | -0.7% | -1.7% | 14.8% | 33,900 | 0.7 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 20,440 | -1.0% | -0.6% | 10.8% | 645,900 | 13.1 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 32,300 | -0.5% | -0.3% | 22.2% | 504,300 | 16.2 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 17,340 | 0.2% | -0.5% | 13.1% | 111,900 | 1.9 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 15,840 | -0.8% | -1.6% | 13.4% | 9,000 | 0.1 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 15,290 | -0.4% | -1.0% | 13.3% | 17,400 | 0.3 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,970 | 6.2% | 4.7% | 6.5% | 3,900 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 8,520 | 0.0% | -3.2% | 13.6% | 1,500 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 11,760 | -0.3% | -2.8% | 7.9% | 12,400 | 0.1 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 12,130 | -0.8% | 0.4% | 14.4% | 600 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 13,600 | -0.4% | 0.0% | 24.4% | 4,400 | 0.1 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 11,910 | -1.0% | -1.1% | -7.2% | 3,400 | 0.0 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | n.a | n.a | n.a | n.a | 16,400 | n.a | |
| 15 | Thien Viet Growth Fund 3 | FUCTVGF3 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | |
| 16 | Thien Viet Growth Fund 4 | FUCTVGF4 | 12,200 | 0.0% | -6.9% | -12.9% | 100 | 0.0 | |
| 17 | Thien Viet Growth Fund 5 | FUCTVGF5 | 10,450 | 0.0% | 0.0% | -5.0% | 400 | 0.0 | |
| 18 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | |
| 19 | TECHCOM VN RE ETF FUND | FUCVREIT | 6,390 | 0.0% | -6.7% | -11.7% | 17,400 | 0.1 | |

**Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX**




**Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa**

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 295.1 | 489,380 | (309,066) | 8.6 | 16.2 | 1.0 | 1.91 | 1.7 | 11.5 | 64.3 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | 4.9 | - | 1,837 | 5.3 | 32.2 | 0.9 | 1.90 | 1.6 | 12.1 | 51.2 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 55.6 | (46,913) | (854,953) | 11.2 | 20.9 | 1.0 | 2.49 | 1.3 | 8.5 | 84.4 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 474.9 | (2,347,566) | (4,294,615) | 23.8 | 19.2 | 1.0 | 2.21 | 1.9 | 11.4 | 82.0 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | 0.013 | (999,998) | (999,998) | 11.2 | 16.8 | 1.0 | 1.67 | 1.7 | 12.5 | 45.5 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 5.8 | - | - | 7.6 | 20.7 | 1.0 | 2.05 | 1.6 | 11.5 | 64.0 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | (7,683) | (13,818) | 7.8 | 17.1 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.8 | (999,998) | (999,998) | 4.1 | 33.8 | 0.9 | 1.72 | 1.6 | 12.4 | 47.0 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 51.3 | 25,708 | 445,807 | 6.8 | 22.5 | 0.9 | 2.05 | 1.6 | 11.5 | 64.1 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 12.4 | 34,470 | 34,470 | 17.2 | 24.9 | 1.1 | 1.28 | 1.6 | 15.8 | 45.6 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 11.8 | - | (1,136) | 14.9 | 20.3 | 1.0 | 2.25 | 1.3 | 8.5 | 71.2 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | 7,217 | 35,522 | 24.2 | 19.5 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | (999,998) | (999,998) | 1.3 | 45.6 | 0.1 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | 2.5 | n.a | n.a | n.a | n.a | 1.0 | 2.30 | 1.9 | 10.9 | 85.4 |
| 15 | Thien Viet Growth Fund 3 | TVAM | #N/A N/A | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | -0.4 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | Thien Viet Growth Fund 4 | TVAM | 9/26/2022 | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | -0.5 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 17 | Thien Viet Growth Fund 5 | TVAM | 12/29/2023 | VN100 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | 0.3 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 18 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | 8/11/2023 | VN30 | n.a | (999,998) | (999,998) | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 19 | TECHCOM VN RE ETF FUND | TCBS | 2/27/2017 | VNRE | n.a | n.a | n.a | -6.0 | 58.5 | 0.4 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities